



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07120002	ĐÀO DUY	ANH	01/07/88	Anh	3	Ba
2	07120003	ĐÀO THỊ	ANH	20/08/89	Anh	5	Năm
3	07120048	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	01/11/89	Anh	5	Năm
4	07146002	PHẠM TUẤN	ANH	02/12/88	T	1	Một
5	07120047	TRẦN THỊ LAN	ANH	27/11/88	T	5	Năm
6	07120005	TRẦN THỊ BÍCH	CHÂU	26/05/89	Trần Bích	6	Sáu
7	07120006	LÊ DUY	CHUNG	10/04/87	Ch	4	Bốn
8	07120007	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	05/04/89	Như	8	Tám
9	07120050	TRƯƠNG MINH	CƯỜNG	10/03/88	Trương	1	Một
10	07120008	LÊ CÔNG	DANH	16/02/89	Danh	4	Bốn
11	07120009	LÊ THỊ BÍCH	DIỄM	25/01/89	Diễm	7	Bảy
12	07120051	MAI THỊ NGỌC	DUNG	17/05/89	Dung	5	Năm
13	07120053	LÊ THỊ NGỌC	DUYÊN	19/09/89	Duyên	8	Tám
14	07120011	LÊ CÔNG	ĐẮC	01/12/89	Đ	7	Bảy
15	07120012	TRƯƠNG THỊ HỒNG	EM	10/10/89	Trương	8	Tám
16	07120056	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	20/12/89	Như	6	Sáu
17	07120013	ĐA NIAL	GỘCH	10/08/87	G	1	Một
18	07120014	ĐỖ THỊ THU	HÀ	01/07/88	Đ	5	Năm
19	07120058	HỒ THỊ	HÀ	16/07/89	H	4	Bốn
20	07120059	TRẦN THỊ	HIỀN	25/12/89	Trần	5	Năm
21	07120060	PHẠM THỊ	HOA	30/04/88	Ph	1	Một
22	07120018	TRẦN XUÂN	HOÀNG	14/09/87	Trần	1	Một
23	07120019	BÙI MINH	HỒNG	06/08/89	B	8	Tám
24	07120061	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	12/01/89	Như	4	Bốn
25	07120062	NGUYỄN MINH	HUỆ	07/12/88	Như	6	Sáu
26	07120063	HOÀNG HUY	HÙNG	17/11/88	H	3	Ba
27	07120064	NGUYỄN THỊ MỘNG	HUYỀN	/ /89	Như	7	Bảy
28	07120020	LÊ VĂN	KHA	14/03/88	L	7	Bảy
29	07120065	VÕ THỊ THÚY	KIỀU	22/05/88	Kieu	5	Năm
30	07120021	NGUYỄN THỊ	LAN	08/10/89	ng	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 50 Số tờ: 37

Ngày 21 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07120066	NGUYỄN THỊ LÀNH	02/11/88		Vah	7	Bảy
2	07120068	DƯƠNG THỦY LIÊN	25/11/88		liên	7	Bảy
3	07120070	NGUYỄN THỊ LONG	19/01/88		Long	5	Năm
4	07120022	PHẠM THỊ LỢI	15/01/88		Lhi	6	Sáu
5	07120072	NGUYỄN THỊ MAI	20/10/89		mai	9	Chín
6	07120071	TRƯƠNG PHÚC MAI	29/08/88		mai	7	Bảy
7	07120023	KIỀU ĐỨC MẠNH	23/09/89		mai	4	Bốn
8	07120024	NGUYỄN THỂ MIẾN	18/07/87		mai	6	Sáu
9	07120073	ĐẶNG HOÀNG NAM	17/12/89		mai	2	Hai
10	07114086	THẠCH NÊTRA	09/08/88		mai	5	Năm
11	07120074	TRẦN THỊ BÍCH NGÂN	02/02/89		ngân	4	Bốn
12	07120025	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	17/08/89				
13	07120026	TRẦN KIM NGUYỄN	28/07/89		ng2	6	Sáu
14	07120075	PHẠM VĂN NHÂN	17/10/87		nhân	1	Một
15	07120028	LỤC THỊ TUYẾT NHUNG	16/11/89		nhung	5	Năm
16	07120029	LÝ THỊ OANH	30/06/87		oanh	8	Tám
17	07120076	THIẾU THỊ OANH	14/06/88		oanh	5	Năm
18	07120077	NGUYỄN THỊ MINH PHÚC	22/12/89		phuc	3	Ba
19	07120078	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	21/11/89		phuong	6	Sáu
20	07120030	BÙI THỊ PHƯƠNG	01/07/89		phuong	5	Năm
21	07120031	TÔN THẮT VINH QUANG	15/07/89		quang	8	Tám
22	07120032	LƯƠNG THÀNH PHÚ QUÝ	06/11/89				
23	07120033	TRẦN THỊ TUYẾT SANG	06/09/89		thiet	2	Hai
24	07120034	NGUYỄN VIỆT SỎ	04/08/89		viet	1	Một

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 29

Ngày 21 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Dương Đình

Cán bộ coi thi 2 Vũ T. Bảo Tuyết

Xác nhận của bộ môn Kaich

Cán bộ chấm thi 1 nguyen

Cán bộ chấm thi 2 nguyen

Th.S. NGÔ THIÊN

Bùi Đức Ngân



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07120082	LƯƠNG THỊ TÂM	28/10/88		✓	✓	✓
2	07120080	MAI THỊ HIỀN	08/01/88		Hi	5	Năm
3	07120081	NGUYỄN HOÀNG	16/01/89		sun	4	Bán
4	07120083	VÕ THỊ	03/01/89		Thi	3	Bán
5	07120084	PHẠM NGỌC	26/07/89		Ph	2	Hai
6	07120085	NGUYỄN TRẦN VIÊN	29/08/89		ng	4	Bán
7	07120086	PHẠM NGỌC	23/10/85			✓	
8	07120037	PHAN THÀNH	08/12/89		Thi	2	Hai
9	07120038	NGUYỄN MINH	05/09/87		Min	6	Sun
10	07120087	NGUYỄN NGỌC	01/04/89		Ng	0	Không
11	07114097	THẠCH THỊ	02/02/86		Th	0	Không
12	07120039	NGUYỄN THỊ THÚY	23/10/89		Th	1	Một
13	07120088	TRẦN THÚY	03/08/88		Tien	5	Năm
14	07114098	KIẾN THỊ HỒNG	15/05/88		Th	0	Không
15	07120041	VŨ ĐÌNH	25/06/88		Đinh	1	Một
16	07120090	BÙI THỊ PHƯƠNG	01/03/89		Ph	6	Sun
17	07120091	VÕ THỊ THÚY	12/12/89		Th	7	Bảy
18	07120092	NGÔ PHƯỚC	04/06/88		Phuoc	3	Bán
19	07120044	NGUYỄN VĂN	14/08/89		Van	6	Sun
20	07120046	ĐÀO QUỐC	08/04/88		Quoc	2	Hai
21	07120093	NGUYỄN THỊ BÍCH	20/11/89		Bich	1	Một
22	07120045	NGUYỄN THỊ NGỌC	02/01/89		Ng	3	Bán
23	07120094	LÊ THỊ	18/12/88		Lee	4	Bán
24	07120095	NGUYỄN HOÀNG	08/06/89		ng	2	Hai

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 23

Ngày 21 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

NGÔ THIÊN

Bùi Đại Nghĩa

Thị Mỹ Hương



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 005 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122174	NGUYỄN MAI NGỌC	THOẠI	18/02/88		6	Sáu
2	07122175	VÕ THỊ	THƠ	20/09/89		8	Tám
3	07122177	HOÀNG THỊ MINH	THÚY	12/07/89		6	Sáu
4	07122176	HỒ THỊ KIM	THÚY	28/12/89		7	Bảy
5	07122178	NGUYỄN THỊ	THÚY	04/09/89		9	Chín
6	07122179	ĐẶNG THỊ HỒNG	THÚY	10/10/89		7	Bảy
7	07122180	NGUYỄN THANH	THÚY	1/89		7	Bảy
8	07122182	ĐỖ THIÊN	THƯ	03/11/89		✓	Vàng
9	07122181	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	1/88		4	Bốn
10	07122183	ĐÀO DUY	TOÀN	23/11/89		✓	Vàng
11	07122185	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	08/03/89		4	Bốn
12	07122184	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	06/10/89		✓	Vàng
13	07122186	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	24/04/89		7	Bảy
14	07122189	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	03/10/89		8	Tám
15	07122188	PHAN TRẦN THỊ THU	TRANG	03/11/89		✓	Vàng
16	07122187	TRẦN THỊ	TRANG	30/01/89		7	Bảy
17	07122190	TRỊNH THỊ XUÂN	TRANG	14/09/88		5	Năm
18	07122191	NGUYỄN THỊ VŨ	TRẦN	10/02/89		6	Sáu
19	07122192	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRẦN	29/09/89		8	Tám
20	07122193	TRỊNH THỊ BẢO	TRẦN	21/07/89		5	Năm
21	07122194	NGUYỄN VĂN	TRÍ	16/08/87		6	Sáu
22	07122195	NGUYỄN ÍCH PHI	TRÌNH	04/04/89		6	Sáu
23	07122196	NGUYỄN ĐỖ THANH	TRÚC	13/10/89		7	Bảy
24	07122197	VÕ THỊ THANH	TRÚC	12/12/89		7	Bảy
25	07122198	ĐOÀN LÊ ANH	TUẤN	09/11/89		6	Sáu
26	07155015	HỒ MINH	TUẤN	16/07/88		0	Không
27	07122199	BÙI QUỐC	TÙNG	18/09/89		8	Tám
28	07122201	LÊ THỊ THANH	TUYẾN	25/06/89		4	Bốn
29	07122200	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾN	12/05/89		4	Bốn
30	07122202	ĐỖ THỊ CẨM	UYẾN	20/03/89		4	Bốn
31	07122205	PHẠM THANH	VÂN	24/12/88		4	Bốn
32	07122204	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	09/05/89		4	Bốn
33	07122208	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	05/11/88		2	Hai
34	07122209	NGUYỄN THỊ BÌNH	YÊN	03/11/89		5	Năm
35	07122210	NGUYỄN THỊ XUÂN	YÊN	26/10/89		6	Sáu
36	07122213	ĐẶNG THỊ NGỌC	YÊN	03/10/89		9	Chín

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 005 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122211	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	29/03/89		<i>[Signature]</i>	2	Na
38	07122212	VÕ KIM YẾN	21/08/89		<i>[Signature]</i>	9	chín

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 34 Số bài: 34 Số tờ: 44

Ngày 21 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2 *[Signature]*
Trần Thuần Hoàng

Xác nhận của bộ môn *[Signature]*

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
NGÔ THIÊN

[Signature]
Bùi Đức Nghĩa



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	HIỂN	Ng/Sinh	SốTĐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122046	HỒ THỊ THU	HIỂN	15/09/89		<i>Truc</i>	7	Bảy
2	07122044	NGUYỄN THỊ THANH	HIỂN	01/05/89		<i>Thanh</i>	5	Năm
3	07122045	PHẠM THỊ	HIỂN	08/09/88		<i>Pham</i>	8	Tám
4	07122048	LÊ THỊ	HOA	08/04/89		<i>Hoa</i>	5	Năm
5	07122049	TRẦN THỊ	HOA	26/06/89		<i>Tran</i>	4	Bốn
6	07122050	NGUYỄN XUÂN	HÒA	28/11/89		<i>Xuan</i>	4	Bốn
7	07122052	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	17/09/88		<i>Thu</i>	4	Bốn
8	07122053	ĐÀM GIA	HUY	27/03/89		<i>Gia</i>	2	Hai
9	07122056	HỒ XUÂN	HUY	10/05/88		<i>Xuan</i>	5	Năm
10	07122054	TRẦN HOÀNG	HUY	25/01/89		<i>Tran</i>	4	Bốn
11	07122055	TRẦN MINH	HUY	18/09/89		<i>Minh</i>	5	Năm
12	07122060	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	16/09/89		<i>Thu</i>	6	Sáu
13	07122059	TRÌNH THỊ	HƯƠNG	20/10/88		<i>Trinh</i>	8	Tám
14	07122061	TRẦN THỊ	HƯƠNG	20/01/87		<i>Tran</i>	5	Năm
15	07122064	VÕ VĂN	KHÁNH	08/10/88		<i>Van</i>	6	Sáu
16	07122066	HÀ TRUNG	KIẾN	05/05/89		<i>Trung</i>	6	Sáu
17	07122068	ĐÀO TUẤN	KIỆT	31/10/89		<i>Tuan</i>	7	Bảy
18	07122069	TÀ HỒNG	KIỀU	02/09/89		<i>Hong</i>	8	Tám
19	07122071	ĐỖ NGUYỄN THÚY	LAN	27/02/89		<i>Lan</i>	7	Bảy
20	07122073	TRẦN THỊ	LÊ	16/01/89		<i>Tran</i>	6	Sáu
21	07122074	NGUYỄN THỊ MỸ	LÊ	12/05/89		<i>Mi</i>	5	Năm
22	07122075	PHAN THANH	LIÊM	21/11/88		<i>Phan</i>	4	Bốn
23	07122077	NGUYỄN THỊ THỦY	LINH	29/03/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
24	07122079	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LOAN	24/01/89	✓		✓	✓
25	07122080	LÝ ĐẠT	LONG	24/04/88		<i>Dat</i>	1	Một
26	07122081	NGÔ HOÀNG	LONG	22/01/89		<i>Hoang</i>	3	Ba
27	07122082	PHAN VŨ	LONG	20/02/88		<i>Phan</i>	3	Ba
28	07122083	ĐOÀN SON ANH	LUÂN	30/10/89		<i>Son</i>	7	Bảy
29	07122084	NGUYỄN THÁNH	LUÂN	06/09/90		<i>Thanh</i>	1	Một
30	07122086	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	12/09/87		<i>Thy</i>	1	Một
31	07122087	PHẠM THỊ NGỌC	LÝ	12/01/89		<i>Ngoc</i>	8	Tám
32	07122090	BÙI VĂN	MANH	19/08/89		<i>Van</i>	7	Bảy
33	07122091	HUYỄN THANH	MÃN	24/07/88		<i>Thanh</i>	5	Năm
34	07122093	NGUYỄN QUANG	MINH	26/05/87		<i>Quang</i>	6	Sáu
35	07122092	TRẦN DƯƠNG NHẬT	MINH	23/11/89		<i>Nhat</i>	2	Hai
36	07122094	NGUYỄN THỊ	MƠI	01/05/88		<i>Moi</i>	8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122096	LÊ HOÀI	NAM	15/09/89		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 36

Số bài: 36

Sở từ: 40

Ngày 21 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

S. NGÔ THIÊN

Bùi Đức Nghĩa

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122096	LÊ HOÀI	NAM	15/09/89		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 36

Số bài: 36

Sở từ: 40

Ngày 21 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

S. NGÔ THIÊN

Bùi Đức Nghĩa



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122099	TRẦN THỊ HỒNG	NGA	29/03/89		✓	✓
2	07122103	NGUYỄN HUỲNH THÁI	NGÂN	03/08/89	ngon	8	Tam
3	07122102	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	04/09/89	ngon	6	Sưu
4	07122104	PHẠM THỊ THÁI	NGÂN	23/04/89	ngon	5	Nam
5	07122106	PHẠM THỊ THỦY	NGÂN	06/05/89	ngon	3	Bai
6	07122105	TRẦN THẢO	NGÂN	20/02/89	ngon	6	Sưu
7	07122107	NGUYỄN THỊ	NGHE	05/03/89	ngon	5	Nam
8	07122108	VŨ THỊ	NGOAN	02/05/87	ngon	5	Nam
9	07122111	PHẠM THỊ KIM	NGOC	20/10/89	ngon	5	Nam
10	07122112	HUỲNH KHÁNH	NGUYỄN	21/10/87	ngon	8	Tam
11	07122114	LÊ CHÍ	NHÂN	1 / 88	ngon	3	Bai
12	07122115	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	27/11/89	ngon	4	Bai
13	07122116	TRẦN NGUYỄN TRÍ	NHÂN	16/12/89		✓	
14	07122117	LÂM THỊ TUYẾT	NHUNG	20/09/89	ngon	4	Bai
15	07122118	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	15/09/89	ngon	6	Sưu
16	07122119	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	16/01/89	ngon	4	Bai
17	07122120	NGUYỄN THỊ	NINH	01/01/89	ngon	5	Nam
18	07122121	LÊ THỊ	NƠ	26/03/87	ngon	6	Cau
19	0712175	VÕ VĂN	NỮ	20/06/87	ngon	1	Một
20	07122123	HUỲNH	PHÁT	27/09/89	ngon	3	Bai
21	07122124	NGUYỄN TẤN	PHÁT	30/09/89		✓	
22	07122125	ĐÀO LOAN	PHI	17/12/89	ngon	1	Một
23	07122126	NGUYỄN HỒNG	PHONG	02/10/89	ngon	6	Sưu
24	07122127	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	29/01/89	ngon	7	Bai
25	07122128	NGUYỄN THỊ KIM	PHÚC	21/12/89	ngon	5	Nam
26	07122129	NGUYỄN PHƯỚC HỒNG	PHUNG	18/09/89	ngon	5	Nam
27	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/89	ngon	1	Một
28	07122130	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20/06/90	ngon	6	Sưu
29	07122131	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/06/89	ngon	7	Bai
30	07122136	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	02/09/89	ngon	5	Nam

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 27 Số bài: 27 Số tờ: 30

Ngày 21 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 P.T. Thiên

Cán bộ coi thi 2 Đào Loan

Xác nhận của bộ môn Th.S. Ngô Thiên

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN

Ban Đào tạo



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 21/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122006	HỒ TUẤN	ANH	11/08/88		0	Không
2	07122004	LÊ KIM	ANH	26/03/88		6	Sáu
3	07122005	NGUYỄN THẾ	ANH	13/10/83		6	Sáu
4	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89		✓	✓
5	07122008	TRẦN TUẤN	ANH	21/04/88		5	Năm
6	07122009	LÊ NGỌC	ANH	02/07/89		6	Sáu
7	07122010	VƯƠNG THỊ NGỌC	ANH	08/09/89		7	Bảy
8	07122012	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	06/11/89		6	Sáu
9	07122015	PHẠM THÁI	BÌNH	25/08/89		✓	✓
10	07122016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CẨM	02/01/89		6	Sáu
11	07122018	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/09/87		2	Hai
12	07122019	NGUYỄN THỊ	CHUNG	15/06/88		8	Tám
13	07122020	VÕ TẤN	CÔNG	26/10/88		7	Bảy
14	07125031	PHAN THỊ	CÚC	12/04/88		7	Bảy
15	07122021	LÝ HOÀNG MỘNG	DIỆM	18/01/89		7	Bảy
16	07122022	TỔNG NHỰT	DIỄN	05/02/89		5	Năm
17	07122024	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DIỆU	10/12/88		9	Chín
18	07122025	TRẦN KHÁNH	DIỆU	23/08/89		6	Sáu
19	07122026	MAI CÔNG	DOAN	11/09/87		6	Sáu
20	07122027	NGÔ THỊ MỸ	DUNG	10/12/89		8	Tám
21	07122028	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	30/08/85		6	Sáu
22	07122029	NINH NGỌC	DUY	07/11/89		4	Bốn
23	07122030	TRƯƠNG QUANG NỮ KI	DUYÊN	20/02/89		8	Tám
24	07122031	NGUYỄN QUỲNH	ĐAN	01/03/89		6	Sáu
25	07122032	VŨ THỊ HỒNG	ĐÀO	09/01/89		8	Tám
26	07122033	ĐỖ XUÂN	DIỆP	23/06/88		✓	✓
27	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	17/04/88		6	Sáu
28	07122037	LÊ VĂN	HÀ	04/08/88		7	Bảy
29	07122035	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	20/04/89		3	Ba
30	07122036	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	27/11/89		7	Bảy
31	07122038	NGÔ THỊ TUYẾT	HÀNH	12/10/89		7	Bảy
32	07122040	NGUYỄN THỊ	HẰNG	07/02/89		7	Bảy
33	07122039	PHẠM THỊ	HẰNG	29/01/85		6	Sáu
34	07122041	HỒ THỊ NGỌC	HÂN	15/06/89		4	Bốn
35	07122214	THẠCH THỊ NGỌC	HÂN	24/10/87		✓	✓
36	07122043	NGUYỄN THỊ MỸ	HẦU	11/08/89		7	Bảy

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Xác suất thống kê A (02117) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122042	PHẠM ĐỨC HẬU	12/09/89			7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 34 Số bài: 34 Số tờ: 49

Ngày 21 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
BUI TRANG PHƯƠNG NAM

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN

Bui Dai Nghia

38 07162020 Lê Phạm Tùng Nhiên

2

hai